

Tp. Thủ Đức, ngày 02 tháng 12 năm 2022

NỘI DUNG ÔN TẬP
KIỂM TRA HỌC KỲ 1 – KHỐI 10
NĂM HỌC: 2022 - 2023



A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Câu 1: Căn cứ vào tính chất và cơ chế vận hành, thị trường được chia thành:

- A. Thị trường trong nước, thị trường ngoài nước.
B. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo.
 C. Thị trường ô tô, thị trường bảo hiểm, thị trường chứng khoán,...
 D. Thị trường tư liệu sản xuất, thị trường tư liệu tiêu dùng.

Câu 2: Theo phạm vi của quan hệ mua bán, thị trường được phân chia thành thị trường

- A.** trong nước và quốc tế.
B. hoàn hảo và không hoàn hảo.
C. truyền thống và trực tuyến.
D. cung - cầu về hàng hóa.

Câu 3: Trong nền kinh tế hàng hóa, giá cả thị trường được hình thành thông qua việc thỏa thuận giữa các chủ thể kinh tế tại

- A.** quốc gia giàu có.
C. một cơ quan nhà nước.
- B.** thời điểm cụ thể.
D. một địa điểm giao hàng.

Câu 4: Nội dung nào dưới đây **không** phải là chức năng của thị trường?

- A.** Cung cấp hàng hoá, dịch vụ ra thị trường.
B. Điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.
C. Cung cấp thông tin cho người sản xuất và người tiêu dùng.
D. Thừa nhận công dụng xã hội của hàng hoá.

Câu 5: Một trong những chức năng của cơ chế thị trường là chức năng

- A. Vận hành.** **B. Điều hành.** **C. Thông tin.** **D. Chỉ huy**

Câu 6: Giá bán thực tế của hàng hoá do tác động qua lại giữa các chủ thể kinh tế trên thị trường tại một thời điểm, địa điểm nhất định được gọi là

- A.** giá cả cá biệt. **B.** giá cả thị trường. **C.** giá trị thặng dư. **D.** giá trị sử dụng.

Câu 7: Trong nền kinh tế hàng hóa, giá cả thị trường được hình thành thông qua việc thỏa thuận giữa các chủ thể kinh tế tại

- A.** quốc gia giàu có.
C. một cơ quan nhà nước.
- B.** thời điểm cụ thể.
D. một địa điểm giao hàng.

Câu 8: Các loại thị trường nào dưới đây được hình thành dựa trên vai trò của đối tượng giao dịch, mua bán

- A. Thị trường gạo, cà phê, thếp.
- B. Thị trường tiêu dùng, lao động.
- C. Thị trường hoàn hảo và không hoàn hảo.
- D. Thị trường trong nước và quốc tế.

Câu 9: Trong nền kinh tế hàng hóa, giá bán thực tế của hàng hoá trên thị trường được gọi là...

- A. giá trị sử dụng.
- B. giá trị hàng hóa.
- C. giá cả thị trường.
- D. giá cả nhà nước

Câu 10: Trong nền kinh tế hàng hóa, giá cả thị trường được hình thành thông qua việc thỏa thuận giữa

- A. người tiêu dùng với nhau.
- B. người phân phối và trao đổi.
- C. người sản xuất với nhau.
- D. người mua và người bán

Câu 11 : Căn cứ vào tiêu chí đặc điểm nào để phân chia các loại thị trường như thị trường vàng, thị trường bảo hiểm, thị trường bất động sản?

- A. Đối tượng hàng hoá
- B. Phạm vi hoạt động
- C. Vai trò của các đối tượng mua bán
- D. Tính chất và cơ chế vận hành

Câu 12: Khi người bán đem hàng hoá ra thị trường, hàng hoá nào thích hợp với nhu cầu của xã hội thì bán được, điều đó thể hiện chức năng nào của thị trường?

- A. Thừa nhận giá trị và giá trị sử dụng
- B. Kích thích sự sáng tạo của mỗi chủ thể kinh tế
- C. Gắn kết nền kinh tế thành một chỉnh thể
- D. Gắn kết nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới

Câu 13: Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Thị trường bao gồm các nhân tố cơ bản: tiền tệ, người mua, người bán.
- B. Thị trường là nơi kiểm tra đầu tiên về chủng loại, hình thức, mẫu mã, số lượng, chất lượng hàng hoá.
- C. Thị trường là môi trường để các chủ thể kinh tế thực hiện giá trị sử dụng của hàng hoá.
- D. Thị trường có vai trò thông tin, định hướng cho mọi nhu cầu sản xuất, kinh doanh.

Câu 14: Hành vi của chủ thể kinh tế nào dưới đây không đúng khi tham gia vào thị trường?

- A. Doanh nghiệp bán lẻ X tăng giá các mặt hàng thực phẩm khi chi phí vận chuyển tăng cao.
- B. Công tình giảm giá mua thanh long do đối tác ngừng hợp đồng thu mua.
- C. Giá rau ở chợ M tăng đột biến do rau khan hiếm, nhập về ít.
- D. Trạm xăng dầu B đóng cửa không bán vì giá xăng tăng lên vào ngày mai.

Câu 15: Nội dung nào **không phải** là căn cứ để phân loại thị trường?

- A. Căn cứ theo đối tượng hàng hoá, dịch vụ được trao đổi, mua bán.

B. Căn cứ vào vai trò của các yếu tố được trao đổi, mua bán.

C. Căn cứ vào phạm vi hoạt động thị trường.

D. Căn cứ vào thông tin thị trường.

Câu 16: Đây là nội dung thể hiện đặc điểm của thị trường?

A. Là lĩnh vực trao đổi, mua bán.

B. Các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả.

C. Các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định số lượng hàng hoá, dịch vụ.

D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 17: Đây là chức năng của thị trường?

A. Phân phối sản phẩm.

B. Chức năng sản xuất.

C. Điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.

D. Chức năng mua bán.

Câu 18: Vào những ngày Tết, các gian hàng phục vụ mặt hàng Tết đa dạng, phong phú như: bánh kẹo, giò chả, bánh chưng, hoa quả, rau củ, hàng đông lạnh,... ; có khu vực bày bán đủ các loại cây như: đào, mai, cúc, lan,... nhằm đáp ứng nhu cầu mua sắm và chưng Tết. Người dân đi chợ không chỉ để mua sắm mà còn để tận hưởng không khí háo hức khi Tết đến. Các yếu tố nào tham gia vào hoạt động kinh tế trên?

A. Người mua, người bán, hàng hóa.

B. Người mua, hàng hóa.

C. Người mua, người bán.

D. Người bán, hàng hóa.

Câu 19: Căn cứ theo đối tượng hàng hoá, dịch vụ được trao đổi, mua bán thị trường được chia làm mấy loại chính?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 20: Căn cứ vào đâu để phân loại thị trường thành thị trường tư liệu tiêu dùng, thị trường tư liệu sản xuất?

A. Căn cứ vào vai trò của các yếu tố được trao đổi, mua bán.

B. Căn cứ vào phạm vi hoạt động thị trường.

C. Căn cứ theo đối tượng hàng hoá, dịch vụ được trao đổi, mua bán.

D. Căn cứ vào tính chất và cơ chế vận hành thị trường.

Câu 21: Ý kiến nào không phải là nội dung về chức năng của thị trường?

A. Thừa nhận giá trị của hàng hoá

B. Quản lý thu nhập của các chủ thể kinh tế.

C. Cung cấp thông tin cho các chủ thể kinh tế.

D. Điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.

Câu 22: Thị trường gồm những nhân tố cơ bản nào dưới đây?

A. Hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán.

B. Người mua, tiền tệ, giá cả, hàng hóa.

C. Giá cả, hàng hóa, người mua, người bán.

D. Tiền tệ, người mua, người bán, giá cả.

Câu 23: Thông tin của thị trường quan trọng như thế nào đối với người bán?

A. Giúp người bán biết được chi phí sản xuất của hàng hóa.

B. Giúp người bán đưa ra quyết định kịp thời nhằm thu nhiều lợi nhuận.

C. Giúp người bán điều chỉnh số lượng hàng hóa nhằm thu nhiều lợi nhuận.

D. Giúp người bán điều chỉnh số lượng và chất lượng hàng hóa để thu nhiều lợi nhuận.

Câu 24: Thông tin của thị trường giúp người mua điều gì?

A. Biết được giá cả hàng hóa trên thị trường.

B. Mua được hàng hóa mình cần.

C. Biết được số lượng và chất lượng hàng hóa.

D. Điều chỉnh việc mua sao cho có lợi nhất.

Câu 25: Căn cứ vào đâu để phân loại thị trường thành thị trường trong nước và thị trường thế giới?

A. Căn cứ vào phạm vi hoạt động thị trường.

B. Căn cứ theo đối tượng hàng hoá, dịch vụ được trao đổi, mua bán.

C. Căn cứ vào vai trò của các yếu tố được trao đổi, mua bán.

D. Căn cứ vào tính chất và cơ chế vận hành thị trường.

Câu 26: Thị trường là “.....” giữa sản xuất với tiêu dùng

A. điểm nối.

B. cầu nối

C. điểm nút

D. dịch vụ.

Câu 27: Hệ thống các quan hệ mang tính điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế được gọi là:

A. Thị trường.

B. Giá cả thị trường.

C. Cơ chế thị trường.

D. Kinh tế thị trường.

Câu 28: Phát biểu nào dưới đây **không đúng** về cơ chế thị trường?

A. Cơ chế thị trường là phương thức cơ bản để phân phối và sử dụng các nguồn vốn, tài nguyên, sức lao động trong mọi nền kinh tế.

B. Cơ chế thị trường là một kiểu cơ chế vận hành nền kinh tế do bản thân nền sản xuất hàng hoá hình thành.

C. Cơ chế thị trường là cơ chế tự điều tiết của nền kinh tế thị trường, do sự tác động khách quan vốn có của nó.

D. Cơ chế thị trường là hệ thống hữu cơ của sự thích ứng, tự điều tiết lẫn nhau, của mối quan hệ biện chứng gắn bó giữa các yếu tố giá cả, cung cầu, cạnh tranh,...

Câu 29: Phát biểu nào sau đây đúng về cơ chế thị trường?

A. Cơ chế thị trường kích thích tối đa hoạt động của các chủ thể kinh tế hướng đến mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận, tối đa hoá chi phí.

B. Cơ chế thị trường kích thích mọi doanh nghiệp phải linh hoạt để cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ có chất lượng.

C. Cơ chế thị trường kìm hãm doanh nghiệp cải tiến kĩ thuật, hợp lí hoá sản xuất, đổi mới khoa học công nghệ ứng dụng.

D. Cơ chế thị trường luôn luôn mang tính chất năng động, tích cực trong kinh tế thị trường.

Câu 30: Đây là ưu điểm của cơ chế thị trường?

A. Cơ chế thị trường đã khiến các chủ thể kinh tế cạnh tranh không lành mạnh vì chạy theo lợi nhuận.

B. Cơ chế thị trường tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng, có thể dẫn tới lạm phát.

C. Cơ chế thị trường đã làm khoảng cách giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội ngày càng tăng lên.

D. Cơ chế thị trường luôn đòi hỏi các chủ doanh nghiệp phải linh hoạt, sáng tạo để cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ có chất lượng.

Câu 31: Đây **không phải** là nhược điểm của cơ chế thị trường?

A. Sự tác động của cơ chế thị trường sẽ dẫn tới tình trạng phân hoá giàu nghèo, bất bình đẳng trong xã hội.

B. Do chạy theo lợi nhuận nên các doanh nghiệp không quan tâm tới vấn đề môi trường dẫn tới cạn kiệt và suy thoái môi trường.

C. Do chạy theo lợi nhuận nên các doanh nghiệp không quan tâm đến lợi ích của người tiêu dùng nên sản xuất hàng kém chất lượng.

D. Sự vận hành tốt nhất của cơ chế thị trường tạo những cơ hội cho sự giàu có hợp pháp về vật chất của các tầng lớp dân cư trong xã hội.

Câu 32: Hành vi của chủ thể kinh tế nào sau đây đúng?

A. Doanh nghiệp mở rộng vùng trồng nguyên liệu khi đơn hàng của các đối tác tăng cao.

B. Công ti H ngưng bán xăng dầu và tích trữ khi nghe tin giá xăng tăng lên.

C. Cửa hàng vật tư y tế B đã bán khẩu trang y tế bán với giá cao khi nhu cầu mua của người dân tăng cao.

D. Tiệm thuốc thấy giá thuốc lên khi thấy trên thị trường thuốc khan hiếm.

Câu 33: Chủ thể kinh tế nào dưới đây **không** tôn trọng quy luật khách quan của cơ chế thị trường?

A. Công ti R cung cấp mặt hàng thịt bò đông lạnh cho hệ thống siêu thị C theo đúng yêu cầu

B. Do nhu cầu đi lại của người dân trong dịch Tết tăng cao, Công ti A đã tăng số chuyến xe trong ngày

C. Hộ kinh doanh T đã hạ giá thu mua thanh long tại vườn do thị trường xuất khẩu đóng cửa vì dịch bệnh.

D. Công tử H đã chế tạo bao bì sản phẩm bánh kẹo nhái thương hiệu nổi tiếng để bán ra thị trường.

Câu 34: Quy luật kinh tế điều tiết quan hệ giữa bên mua và bên bán trong sản xuất và trao đổi hàng hoá trên thị trường là:

A. Quy luật giá trị.

B. Quy luật cung - cầu.

C. Quy luật cạnh tranh.

D. Quy luật lưu thông tiền tệ.

Câu 35: Câu tục ngữ “Cá lớn nuốt cá bé” chỉ quy luật kinh tế nào?

A. Quy luật giá trị

B. Quy luật cung - cầu

C. Quy luật cạnh tranh

D. Quy luật lưu thông tiền tệ

Câu 36: Cơ chế thị trường tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế nào?

A. Giá cả. B. Cạnh tranh. C. Cung - cầu. D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 37: Nội dung nào **không phải** là ưu điểm của cơ chế thị trường?

A. Kích thích hoạt động và tạo động lực sáng tạo cho các chủ thể kinh tế.

B. Phát huy tối đa tiềm năng của mọi chủ thể, vùng miền.

C. Phát huy và phân phối các nguồn lực kinh tế tối ưu.

D. Phân hoá giàu - nghèo giữa những người sản xuất, kinh doanh.

Câu 38: Nội dung nào **không phải** là nhược điểm của cơ chế thị trường?

A. Có thể dẫn tới suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường.

B. Tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng, có thể dẫn đến lạm phát.

C. Kích thích hoạt động và tạo động lực sáng tạo cho các chủ thể kinh tế.

D. Phân hoá giàu - nghèo giữa những người sản xuất, kinh doanh.

Câu 39: Các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước cạnh tranh đầu tư sản phẩm trứng gia cầm. Doanh nghiệp T đã nỗ lực chú trọng đầu tư công nghệ sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm của mình trên thị trường, đầu tư dây chuyền kĩ thuật xử lí trứng gà bằng ozon và tia cực tím trước khi đóng hộp, tạo ra sản phẩm trứng gà tươi, cung ứng số lượng lớn trứng gà tươi ăn liền tại hệ thống siêu thị trong nước và kí kết nhiều đơn hàng xuất khẩu sang các quốc gia và vùng lãnh thổ. Nhờ nắm bắt được nhu cầu của khách hàng, doanh thu của doanh nghiệp T không ngừng tăng lên và khẳng định được vị thế của mình trên thị trường. Xác định những tác động từ cơ chế thị trường đến doanh nghiệp T.

A. Sự cạnh tranh của các doanh nghiệp trong và ngoài nước vào các sản phẩm trứng gia cầm.

B. Thực hiện phân phối các sản phẩm ra thị trường trong nước và các quốc gia vùng lãnh thổ khác.

C. Cơ chế thị trường kích thích sự đổi mới, đầu tư công nghệ sản xuất, đầu tư dây chuyền kĩ thuật.

D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 40: A và B là 2 hãng nước hoa nổi tiếng trên thị trường. Hãng nước hoa A đã sử dụng hình ảnh che mờ của hãng B trong đoạn quảng cáo để so sánh sản phẩm về giá cả, chất lượng giữa 2 sản phẩm. Hành vi của hãng nước hoa A trường hợp trên, thể hiện nhược điểm gì của cơ chế thị trường?

A. Suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường.

B. Các hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh.

C. Nguy cơ khủng hoảng, có thể dẫn đến lạm phát.

D. Phân hoá giàu - nghèo giữa những người sản xuất, kinh doanh.

Câu 41: Nội dung nào sau đây không phải ưu điểm của cơ chế thị trường?

A. Kích thích hoạt động và tạo động lực sáng tạo cho các chủ thể kinh tế.

B. Thúc đẩy các doanh nghiệp ứng dụng thành tựu của khoa học - công nghệ.

C. Phân hoá giàu - nghèo giữa những người sản xuất, kinh doanh.

D. Phát huy tối đa tiềm năng của mọi chủ thể, vùng miền.

Câu 42: Câu tục ngữ nào dưới đây có nội dung nói về đặc điểm của cơ chế thị trường?

A. Chớ bán gà ngày gió, chớ bán chó ngày mưa.

B. Oán cừu thì cời, nhân nghĩa thì thất.

C. Chia ngọt sẻ bùi.

D. Thua trời một vạn không bằng thua bạn một ly.

Câu 43: Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế với tính chất gì?

A. Điều chỉnh gián tiếp.

B. Điều chỉnh tự động.

C. Tự điều chỉnh.

D. Chỉ tuân theo những khuôn mẫu đã có.

Câu 44: Đặc trưng cơ bản nhất của cơ chế thị trường là gì?

A. Tự do lựa chọn hình thức sản xuất kinh doanh.

B. Động lực lợi nhuận.

C. Tự chịu trách nhiệm.

D. Chấp nhận cạnh tranh.

Câu 45: Nội dung nào dưới đây không phải nhược điểm của cơ chế thị trường?

A. Suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường.

B. Nguy cơ khủng hoảng, có thể dẫn đến lạm phát.

C. Phân hoá giàu - nghèo giữa những người sản xuất, kinh doanh.

D. Kích thích hoạt động và tạo động lực sáng tạo cho các chủ thể kinh tế.

Câu 46: Giá trị của hàng hoá được biểu hiện bằng lượng tiền nhất định được gọi là

A. giá trị trao đổi.

B. giá cả thị trường.

C. tiền tệ.

D. giá trị sử dụng.

Câu 47: Điều không phải là chức năng của giá cả thị trường?

A. Chức năng thông tin

B. Chức năng lưu thông hàng hoá

C. Chức năng phân bổ các nguồn lực

D. Công cụ để Nhà nước thực hiện quản lý Nhà nước

Câu 48: Giá cả hàng hoá được hiểu là

A. biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hoá.

B. biểu hiện bằng tiền của giá trị sử dụng.

C. giá trị sử dụng của hàng hoá được biểu hiện bằng một lượng tiền

D. giá trị trao đổi được biểu hiện bằng tiền.

Câu 49: Giá cả thị trường là

- A. số tiền phải trả cho một hàng hoá để bù đắp chi phí sản xuất và lưu thông hàng hoá đó.
- B. giá cả hàng hoá do người mua quyết định trên thị trường tại một thời điểm, địa điểm nhất định.
- C. giá bán thực tế của hàng hoá do người bán quyết định tại một thời điểm, địa điểm nhất định.
- D.** giá bán thực tế của hàng hoá do tác động qua lại giữa các chủ thể kinh tế trên thị trường tại một thời điểm, địa điểm nhất định.

Câu 50: Điều **không phải** là chức năng của giá cả?

- A. Sự biến động của giá cả cung cấp thông tin để các chủ thể kinh tế điều chỉnh
- B. Giá cả điều tiết quy mô sản xuất của các doanh nghiệp.
- C.** Giá cả điều tiết hành vi của người tiêu dùng
- D. Giá cả duy trì sự ổn định và phát triển kinh tế.

Câu 51: Chức năng của giá cả là

- A.** cung cấp thông tin nhằm tạo ra cơ chế phân bổ nguồn lực của nền kinh tế.
- B. duy trì sự ổn định và phát triển kinh tế.
- C. tạo ra nguồn của cải vật chất và tinh thần cho người tiêu dùng.
- D. tạo lập nguồn vốn cho người sản xuất, góp phần tăng trưởng kinh tế.

Câu 52: Hành vi của chủ thể kinh tế nào sau đây không đúng?

- A. Doanh nghiệp T tăng giá bán gas vì nhà cung cấp tăng giá.
- B. Khi giá hoa hồng tăng lên, nhiều hộ nông dân mở rộng quy mô trồng hoa
- C.** Cửa hàng B ngừng bán xăng và treo biển “Hết xăng” khi thấy thông tin xăng tăng giá.
- D. Cửa hàng trà sữa I tính thêm chi phí vào giá hàng hoá đối với dịch vụ giao hàng tận nơi.

Câu 53: Giá cả thị trường có đặc điểm nào sau đây?

- A. Giá bán thực tế của hàng hoá, dịch vụ
- B. Do các chủ thể kinh tế chi phối và vận động
- C. Giá cả quyết định tại một thời điểm, địa điểm nhất định.
- D.** Cả A, B, C đều đúng.

Câu 54: Nội dung nào *không phải* là chức năng giá cả thị trường?

- A. Cung cấp thông tin.
- B. Phân bổ nguồn lực giữa các ngành sản xuất.
- C. Công cụ để Nhà nước thực hiện quản lý, điều tiết, kích thích nền kinh tế.
- D.** Trao đổi hàng hóa.

Câu 55: Nội dung nào dưới đây không phải chức năng của giá cả thị trường?

- A. Cung cấp thông tin.
- B.** Quản lý thu chi của các đối tượng tham gia vào thị trường.
- C. Phân bổ nguồn lực giữa các ngành sản xuất.
- D. Công cụ để Nhà nước thực hiện quản lý, điều tiết, kích thích nền kinh tế.

Câu 56: Vào những ngày cuối tuần, mọi người được nghỉ nên nhu cầu xem phim để giải trí thường tăng cao cho nên giá vé xem phim vào cuối tuần thường cao hơn ngày thường. Yếu tố nào của thị trường tác động đến giá vé?

- A. Tiền tệ thế giới.
- B. Mục tiêu lợi nhuận của nhà sản xuất.
- C. Xu hướng phim được chiếu.

D. Nhu cầu của khách hàng.

Câu 57: Mục đích mà người sản xuất hàng hóa hướng đến là gì?

- A. Giá cả.
- B.** Lợi nhuận.
- C. Công dụng của hàng hóa.
- D. Số lượng hàng hóa.

Câu 58: Một trong những chức năng của thị trường là?

- A. Kiểm tra hàng hóa.
- B. Trao đổi hàng hóa.
- C.** Thực hiện.
- D. Đánh giá.

Câu 59: Trong những năm qua, giá thép trong nước và thế giới tăng liên tục kéo giá nhiều loại vật liệu xây dựng cũng tăng theo. Điều này gây ảnh hưởng đến các nhà thầu xây dựng, tiến độ của nhiều công trình bị trì hoãn. Các nhà sản xuất thép cũng gặp khó khăn do giá nguyên liệu tăng nhưng vẫn phải nhập nguyên vật liệu để duy trì sản xuất, cung ứng theo hợp đồng đã kí. Một trong những nguyên nhân tăng giá lần này, theo Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA) thông tin, là do giá nguyên liệu từ quặng sắt, than Coke, thép phế liệu,... tăng mạnh. Giá cả thị trường đã thể hiện chức năng thông tin như thế nào trong trường hợp trên?

- A. Giúp cho người sản xuất biết được tình hình sản xuất trong các ngành.
- B. Giúp cho người sản xuất biết được tương quan cung – cầu.
- C. Giúp cho người sản xuất biết được sự khan hiếm đối với các loại hàng hóa.

D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 60: Trong nền kinh tế thị trường, giá cả là công cụ quan trọng để làm gì?

- A.** Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá, dịch vụ.
- B. Quản lí nguồn vốn đầu tư của nền kinh tế thị trường.
- C. Ổn định đời sống xã hội.
- D. Điều tiết sản xuất và lưu thông các mặt hàng cần thiết.

B. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

1. Khái niệm thị trường là gì?

- Thị trường là lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hoá, dịch vụ.

2. Các chức năng cơ bản của thị trường?

Chức năng của thị trường

- + Thừa nhận giá trị của hàng hoá;
- + Cung cấp thông tin cho các chủ thể kinh tế;
- + Điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.

3. Khái niệm của cơ chế thị trường?

Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế như quy luật cạnh tranh, cung - cầu, giá cả,... chi phối hoạt động của các chủ thể kinh tế.

4. Khái niệm giá cả thị trường?

Giá cả thị trường là giá bán thực tế của hàng hoá, dịch vụ hình thành do các chủ thể kinh tế chi phối và vận động của thị trường quyết định tại một thời điểm, địa điểm nhất định.

5. Em hãy đọc các trường hợp sau và trả lời các câu hỏi

5.1 Trường hợp 1

Khi giá dưa chuột tăng cao, gia đình chị B quyết định chuyển một phần vườn đang trồng cà chua sang trồng dưa vừa mang lại hiệu quả kinh tế, vừa nhanh thu hoạch. **Em có đồng tình với việc làm của gia đình chị B không? Vì sao?**

Gợi ý trả lời:

- Em đồng tình với việc làm của gia đình chị B.
- *Giải thích:* Vì gia đình chị đã nắm bắt thông tin của thị trường để chuyển đổi sản phẩm kinh doanh, điều này sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn cho gia đình chị.

5.2 Trường hợp 2

Do bị vỡ đường ống nước, khu phố thiếu nước sinh hoạt trầm trọng. Chủ cửa hàng T đã niêm yết giá các bình nước lọc cao hơn so với giá thị trường. Ông T cho rằng chỉ còn mỗi cửa hàng của ông bán bình nước lọc nên việc đẩy giá lên là chuyện bình thường. **Em có nhận xét gì về việc đẩy giá của ông T?**

Gợi ý trả lời:

- Nhận xét: Việc làm của ông T là dễ hiểu
- *Giải thích:* Vì theo quy luật về giá cả, khi nguồn cung ít thì giá cả hàng hóa sẽ bị đẩy lên cao, tuy nhiên việc làm của ông T lại không hợp lý trong hoàn cảnh này, vì ông đã thừa lúc mọi người đang gặp khó khăn để tăng lợi nhuận cho bản thân.

5.3 Trường hợp 3

Người dân ở địa phương H chuyên canh cà phê. Gần đây, giá thu mua cà phê xuống thấp khiến cuộc sống người dân gặp nhiều khó khăn. Nhận thấy giá maccadamia đang rất cao, nhiều hộ gia đình đã chặt cà phê và chuyển sang trồng cây maccadamia.

- **Em có nhận xét gì về việc làm của người dân ở địa phương H?**
- **Việc làm này ảnh hưởng như thế nào đến thị trường cà phê?**

Gợi ý trả lời:

- Nhận xét: Việc làm của người dân địa phương H là nắm bắt xu thế tiêu dùng của thị trường. Do nhu cầu maccadamia của thị trường đang lên cao và giá thành tốt, ngược lại, giá cà phê lại xuống thấp nên người dân đã chuyển đổi loại cây trồng. Đây là chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất.

- Việc làm này có thể làm thị trường cà phê bị thiếu hụt nguồn cung do người dân chuyển đổi một cách ồ ạt, không có lộ trình phù hợp.

-----Hết-----

Chúc các em ôn tập tốt và thi đạt kết quả cao